TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/02/2021
V/v: *"Không công nhận vợ chồng giữa chị V và anh Ph"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp " Hôn nhân và gia đình". theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số: 01/TB-TA ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1975 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc Ph, sinh năm 1973; (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc Ph kết hôn trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương năm 1993. Chị và anh Phú có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L năm 1993. Tuy nhiên tại UBND xã B không còn lưu trữ được sổ sách đăng ký kết

hôn tại thời điểm năm 1993, bên cạnh đó cả hai bên đều không có giấy tờ chứng minh là có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới xong thì chị và anh Phú về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh Ph, thời gian đầu chị và anh Ph sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013 thì chị và anh Ph có xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm, do không ở được cùng nhau, chị đã về bên bố mẹ đẻ ở, chị và anh Ph sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay, chị yêu cầu Toà án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh Nguyễn Khắc Ph là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh Phú có 02 con là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1994; Nguyễn Khắc Tr, sinh năm 2001. Hiện con đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đều đã trên 18 tuổi, nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các yêu cầu khác, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: chị Nguyễn Thị V vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Bị đơn anh Nguyễn Khắc Ph trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận, chị Nguyễn Thị V trình bày trên là đúng, anh không bổ sung gì.

Anh nhất trí yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ giữa chị và anh là vợ chồng.

Về con chung: Anh thừa nhận chị V trình bày là đúng, anh nhất trí và không bổ sung gì.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: anh Nguyễn Khắc Ph vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn, chị V và bị đơn, anh Ph đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS); Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Khắc Ph là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vui và anh Nguyễn Khắc Phú đều không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản: Không đặt ra xem xét giải quyết;

- Về án phí: Chị Nguyễn Khắc Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Khắc Ph, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Khắc Ph là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là đúng qui định.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Vui và bị đơn anh Phú: Chị Nguyễn Thị Vui và anh Nguyễn Khắc Phú đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Toà án, tuy nhiên cả chị Vui và anh Phú đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, chị V; bị đơn, anh Ph là đúng qui định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Khắc Ph kết hôn trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quan của địa phương năm 1993, cưới xong chị V về gia đình anh Ph sống chung cùng nhau ngay, tuy nhiên giữa chị V và anh Ph không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, chị V và anh Ph có hoà thuận, hạnh phúc. Đến năm 2013, cuộc sống của chị V và anh Ph có xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không hợp nhau, bất đồng quan điểm, giữa chị V và anh Ph đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, điều đó chứng tỏ cuộc sống của chị V và anh Ph đã trầm trọng, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc.

Nay, chị Nguyễn Thị V yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị V và anh Nguyễn Khắc Ph là vợ chồng, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Quá trình chung sống chị V và anh Ph có 02 con là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1994; Nguyễn Khắc Tr, sinh năm 2001. Hiện các con đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đều đã trên 18 tuổi, nên chị V và anh Ph không yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản và các yêu cầu khác*: Chị V và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chị Nguyễn Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều: 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Khắc Ph là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2017/0005034 ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Lục Nam;
-THADS huyện Lục Nam;
-UBND xã B;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Toan

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi … giờ… phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", giữa:

Nguyên đơn: Anh Vắn Hóa Trưởng, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lưu Thị Dung, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn Trí Yên, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vắn Hóa Trưởng và chị Lưu Thị Dung

2. Về án phí: Anh Trưởng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi … giờ … phút, ngày 16 tháng 10 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**